

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-5-2024  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Diệu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đầy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

*Bị đơn:* Ông Phạm Minh C, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ H và ông Phạm Minh C có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện năm 2010, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Lý do xin ly hôn:* Quá trình chung sống vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ, chồng ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh C.

Về con chung: Có một người con tên Phạm Nhật P, sinh ngày 06/6/2013 (nam), đang sống với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn ông Phạm Minh C:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Phạm Minh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà H yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Minh C vẫn vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng.**

Bà Nguyễn Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh C, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông C cư trú tại khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Mỹ H có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận công việc, yêu cầu này của bà H là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Phạm Minh C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

### **[2]. Về nội dung vụ án.**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ H và ông Phạm Minh C có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện năm 2010, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận số 51/2011, quyển số 01/2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Mỹ H và ông Phạm Minh C được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà H cho rằng trong cuộc sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, bà Nguyễn Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh C. Tòa án đã triệu tập ông Phạm Minh C nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà H, cho thấy ông C không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2023, bà H có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh C, sau đó bà H đã rút đơn và được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án dân sự số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2023, bà H và ông C ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Mỹ H với ông Phạm Minh C theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có một người con tên Phạm Nhật P, sinh ngày 06/6/2013 (nam), hiện nay đang sống với bà H.

Khi ly hôn, bà Nguyễn Mỹ H yêu cầu nuôi con, ông Phạm Minh C không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của bà H là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật P, được thể hiện tại đơn yêu cầu đề ngày 02/4/2024. Mặt khác, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu P được bà Nguyễn Mỹ H một mình chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu P vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt nên giao cháu Phạm Nhật P cho bà Nguyễn Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Mỹ H ly hôn đối với ông Phạm Minh C.

Về nuôi con: Có một người con tên Phạm Nhật P, sinh ngày 06/6/2013 (nam), hiện nay đang sống với bà H. Khi ly hôn, giao cháu Phạm Nhật P cho bà Nguyễn Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013904 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**